TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC NINH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/HNGĐ – ST
Ngày 12-4-2024
V/v "Ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Vui
2. Bà Nguyễn Kim Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 54/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024 về việc *"Ly hôn và nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Ông **Nguyễn Trung H**, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đồi Đá, xã Lộc Khánh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

**** Bị đơn:*** Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Nghiêm Sơn, xã Hoàng Khai, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông Nguyễn Trung H trình bày:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị T có tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Hải Tân, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

Trước khi sống chung có tìm hiểu nhau trong thời gian 06 tháng.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống với gia đình ông H ấp Đồi Đá, xã Lộc Khánh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống không hạnh phúc nên vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay.

Nay nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Nguyễn Trung H làm đơn xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

+ *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung:

1. Nguyễn Thị T1, sinh ngày 26/7/2014

2. Nguyễn Thị Thảo V, sinh ngày 10/8/2019

Hiện nay hai con tên là Nguyễn Thị T1, sinh ngày 26/7/2014 và Nguyễn Thị Thảo V, sinh ngày 10/8/2019 đang sống chung với bà T.

Khi ly hôn ông H để hai người con chung cho bà T nuôi dưỡng

Vợ chồng không nhận ai làm con nuôi và hiện nay bà Nguyễn Thị T không mang thai.

+ *Về tài sản chung:* Ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về nợ chung:* Ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị T không có nợ ai và không ai nợ lại nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo bản tự khai - bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày như sau:*

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Bà T thống nhất với ông Nguyễn Trung H về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung, quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nay ông H yêu cầu ly hôn thì bà T đồng ý ly hôn với ông H.

+ *Về con chung:* Bà T và ông H có 02 con chung tên là Nguyễn Thị T1, sinh ngày 26/7/2014 và Nguyễn Thị Thảo V, sinh ngày 10/8/2019. Hiện nay hai con đang sống với bà T. Khi ly hôn, bà T xin nuôi hai người con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

+ *Về tài sản chung:* Ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về nợ chung:* Bà Nguyễn Thị T khẳng định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Trung H có đơn khởi kiện ly hôn với bà Nguyễn Thị T tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh để giải quyết theo thẩm quyền. Xét thấy

bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Trung H có văn bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh giải quyết tranh chấp giữa các bên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân:

Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 08/7/2013 của Ủy ban nhân xã Hải Vân, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà T là hợp pháp.

Đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông H, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông H và bà T đều khẳng định cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất xin ly hôn. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa ông H và bà T đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần công nhận sự thuận tình ly hôn của ông H và bà T.

+ *Về con chung:* Ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị T có 02 con chung tên là Nguyễn Thị T1, sinh ngày 26/7/2014 và Nguyễn Thị Thảo V, sinh ngày 10/8/2019. Hiện nay hai con đang sống với bà T. Khi ly hôn bà T xin cả hai người con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, các đương sự thống nhất để bà T nuôi con nên xét thấy cần giao cả hai cháu Thảo và cháu V cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và nguyện vọng của con theo quy định tại điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

+ *Về tài sản chung:* Ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị T khẳng định không có nên không yêu cầu, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ *Về nợ chung:* Ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị T khẳng định không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, ông H phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng).*

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 39 Bộ luật dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trung H.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị T.

2/ Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung tên là Nguyễn Thị T1, sinh ngày 26/7/2014 và Nguyễn Thị Thảo V, sinh ngày 10/8/2019.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu ông Nguyễn Trung H cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc T nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

4/ Về tài sản chung: Ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị T khẳng định không có tài sản chung và không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5/ Về nợ chung: Ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị T khẳng định không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng nên không xem xét giải quyết.

6/ Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Nguyễn Trung H phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng),* được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí ông H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự

huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tiền số: 0006084 ngày 28/02/2024.

7/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận**:*
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *VKS huyện Lộc Ninh;*
- *THADS huyện Lộc Ninh;*
- *UBND xã Hải Tân, Hải Lăng, Quảng Trị*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Quyết